

THỐNG KÊ ĐIỂM BÌNH QUÂN CÁC MÔN THI CỦA QUẬN HUYỆN KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2018-2019

QUẬN	TRƯỜNG	MÔN	VĂN		NGOẠI NGỮ		TOÁN		TỔNG
		SL	Điểm	%>=5	Điểm	%>=5	Điểm	%>=5	
1	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	327	7.22	98.8	9.02	99.1	9.18	99.1	25.42
1	THCS NGUYỄN DU	343	6.76	98.3	7.41	92.1	6.78	84.0	20.95
1	THCS HUỖNH KHƯƠNG NINH	274	6.34	90.1	6.89	86.1	6.21	74.5	19.45
1	THCS TRẦN VĂN ƠN	682	6.43	93.5	6.73	84.5	6.21	71.4	19.36
1	THCS-THPT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	4	6.13	100.0	6.19	75.0	6.13	75.0	18.44
1	THCS VÕ TRƯỜNG TOÀN	482	6.17	89.6	6.30	75.9	5.79	66.6	18.27
1	THPT LƯƠNG THẾ VINH	338	6.47	93.8	5.79	63.6	5.55	62.1	17.80
1	THCS CHU VĂN AN	280	6.16	90.0	5.64	66.4	5.04	52.9	16.84
1	THCS MINH ĐỨC	508	6.19	90.2	5.56	61.4	4.70	44.9	16.45
1	THCS ĐỒNG KHÔI	260	6.13	90.0	5.40	58.8	4.74	43.1	16.26
1	TH - THCS VÀ THPT ÚC CHÂU	5	4.90	60.0	6.00	80.0	5.35	60.0	16.25
1	THCS ĐỨC TRÍ	330	6.15	86.4	5.37	57.3	4.59	40.9	16.12
1	THCS VĂN LANG	195	5.83	85.6	5.06	51.3	4.62	41.5	15.50
1	THCS VÀ THPT ĐĂNG KHOA	3	4.42	33.3	3.00	0.0	2.92	0.0	10.33
1	THPT NĂNG KHIẾU TDTT	12	4.42	50.0	2.42	0.0	2.00	0.0	8.83
QUẬN 1		4043	6.36	91.6	6.34	73.7	5.80	62.9	18.50
2	THCS AN PHÚ	288	6.81	92.4	5.91	68.4	5.30	55.2	18.03
2	THCS LƯƠNG ĐỊNH CỦA	321	6.35	88.2	5.73	65.7	5.46	61.4	17.54
2	THCS TRẦN QUỐC TOÀN	28	6.46	96.4	5.24	57.1	5.35	57.1	17.05
2	THCS BÌNH AN	180	6.41	90.6	5.41	58.9	4.84	45.0	16.66
2	THCS NGUYỄN VĂN TRỖI	240	6.23	87.9	4.81	44.2	4.39	38.3	15.43
2	THCS THANH MỸ LỢI	188	6.35	88.8	4.73	46.3	4.17	35.6	15.26
2	THCS GIỒNG ÔNG TỔ	199	5.99	82.9	4.69	45.7	4.49	40.2	15.17
2	THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH	198	5.75	79.3	4.18	33.3	3.96	30.8	13.90
QUẬN 2		1642	6.31	87.6	5.16	53.6	4.76	45.9	16.22
3	THCS COLETTE	469	6.41	93.8	6.97	87.2	6.69	78.9	20.07
3	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	716	6.35	91.5	7.38	92.3	6.32	76.5	20.04
3	THCS BẠCH ĐẰNG	233	6.38	93.1	6.42	76.0	5.98	68.7	18.79
3	THCS HAI BÀ TRUNG	357	6.29	91.6	6.52	79.3	5.74	64.1	18.55
3	THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM	234	6.35	95.7	5.55	61.1	6.19	72.2	18.10
3	TH - THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU	158	5.41	75.3	6.56	82.9	5.82	74.1	17.79
3	THCS BÀN CỜ	296	6.29	90.2	6.09	73.3	5.35	58.8	17.73
3	THCS LÊ LỢI	410	5.96	87.1	5.81	68.5	5.38	58.0	17.15
3	THCS THẮNG LONG	103	5.97	86.4	5.35	60.2	5.20	52.4	16.52
3	THCS KIẾN THIẾT	282	6.15	90.4	5.45	59.2	4.80	47.2	16.41
3	THCS PHAN SÀO NAM	119	6.07	89.1	5.10	49.6	4.98	51.3	16.15
3	TH - THCS VÀ THPT TÂY ÚC	3	5.75	66.7	7.08	100.0	2.58	33.3	15.42
3	THCS LƯƠNG THẾ VINH	75	5.99	88.0	4.03	32.0	4.38	41.3	14.40
3	TT GDTX QUẬN 3	3	5.75	66.7	3.42	0.0	2.58	0.0	11.75

QUẬN 3		3458	6.21	90.4	6.34	75.7	5.81	66.1	18.36
4	THCS VÂN ĐỒN	267	6.86	97.0	6.74	86.5	6.39	76.8	19.99
4	THCS TĂNG BẠT HỒ A	319	6.95	97.8	5.60	65.5	4.59	39.2	17.14
4	THCS CHI LĂNG	221	6.69	96.8	4.50	38.9	4.75	45.7	15.94
4	THCS KHÁNH HỘI A	259	7.08	98.5	4.77	43.2	3.99	27.8	15.84
4	THCS QUANG TRUNG	298	6.09	84.2	4.52	41.9	3.91	30.2	14.52
4	THCS NGUYỄN HUỆ	270	6.09	85.2	4.35	35.2	3.82	26.7	14.26
QUẬN 4		1634	6.62	93.1	5.10	52.5	4.56	40.7	16.28
5	TH THỰC HÀNH SÀI GÒN	520	6.69	94.4	7.36	92.1	6.90	82.7	20.96
5	THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG	283	6.24	89.4	6.35	79.2	7.62	88.0	20.21
5	THCS HỒNG BÀNG	792	6.24	87.0	6.19	72.0	5.68	62.6	18.11
5	THCS LÝ PHONG	306	6.19	90.5	5.88	71.2	5.41	58.5	17.48
5	THCS TRẦN BỘI CỐ	642	6.19	89.3	5.58	61.8	5.36	54.4	17.13
5	THCS KIM ĐỒNG	475	5.95	85.7	5.63	62.9	5.36	58.5	16.94
5	THCS MẠCH KIỂM HÙNG	262	5.78	77.5	5.43	59.9	4.81	45.4	16.02
5	THCS BA ĐÌNH	516	5.86	82.4	5.14	51.2	4.65	40.5	15.64
5	THPT TRẦN HỮU TRANG	31	5.35	71.0	4.56	38.7	4.93	48.4	14.83
5	THCS VĂN LANG	3	4.50	66.7	5.33	66.7	3.92	33.3	13.75
5	TT GDTX QUẬN 5	2	3.63	50.0	4.25	50.0	2.63	50.0	10.50
QUẬN 5		3832	6.16	87.2	5.96	68.4	5.67	60.7	17.78
6	THCS LAM SƠN	450	6.72	94.9	5.80	66.7	5.12	53.1	17.65
6	THCS BÌNH TÂY	380	6.53	94.2	5.90	68.7	5.19	52.1	17.63
6	THCS HẬU GIANG	304	6.62	95.4	5.15	57.9	5.32	52.3	17.08
6	THCS PHẠM ĐÌNH HỒ	368	6.85	97.3	4.92	48.4	5.19	51.4	16.96
6	THCS PHÚ ĐỊNH	397	6.70	96.0	5.25	53.4	4.79	47.9	16.74
6	THCS HOÀNG LÊ KHA	257	6.43	91.4	5.49	59.1	4.72	44.0	16.64
6	THCS Mỹ Úc	4	6.31	100.0	5.75	75.0	4.56	50.0	16.63
6	THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG	454	6.36	91.6	5.02	52.9	4.73	45.8	16.11
6	THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH	160	6.22	90.6	4.47	40.0	4.40	38.8	15.09
6	THCS ĐOÀN KẾT	269	6.59	95.5	4.44	37.2	4.04	32.7	15.07
6	THCS VĂN THÂN	134	5.98	82.8	3.97	27.6	2.98	14.9	12.93
6	THCS VÀ THPT ĐÀO DUY ANH	15	3.83	26.7	3.05	13.3	1.25	0.0	8.13
QUẬN 6		3192	6.55	93.5	5.17	54.0	4.79	46.0	16.51
7	THCS NAM SÀI GÒN	81	5.81	84.0	7.00	90.1	6.43	79.0	19.24
7	THCS NGUYỄN HỮU THỌ	473	6.38	90.5	6.17	74.6	6.09	71.9	18.63
7	THCS VÀ THPT ĐỨC TRÍ	126	5.79	79.4	6.17	75.4	6.32	77.8	18.28
7	THCS VÀ THPT ĐỊNH THIÊN LÝ	39	5.25	71.8	5.38	61.5	5.26	64.1	15.88
7	THCS NGUYỄN THỊ THẬP	500	5.88	82.0	4.78	46.2	4.67	44.8	15.33
7	TT GDTX QUẬN 7	1	5.75	100.0	4.00	0.0	5.50	100.0	15.25
7	THCS HOÀNG QUỐC VIỆT	324	5.84	80.9	4.48	40.4	4.55	42.9	14.87
7	THCS PHẠM HỮU LẦU	276	5.96	79.7	4.47	38.4	4.35	38.4	14.78
7	THCS TRẦN QUỐC TUẤN	292	5.63	74.3	4.39	37.3	4.33	32.9	14.35
7	THCS NGUYỄN HIỀN	270	5.86	84.8	4.07	30.7	4.36	38.1	14.29
7	THCS HUỖNH TẤN PHÁT	378	5.59	73.5	4.53	41.3	4.13	34.9	14.24
7	THCS VÀ THPT SAO VIỆT	27	4.53	48.1	4.83	55.6	4.71	51.9	14.07
QUẬN 7		2787	5.87	80.9	4.94	49.4	4.86	48.2	15.67
8	THCS CHÁNH HƯNG	656	6.52	90.7	4.75	44.4	4.68	43.1	15.94

8	THCS LÝ THÁNH TÔNG	298	6.16	89.6	4.69	40.6	4.40	39.9	15.24
8	THCS TÙNG THIÊN VƯƠNG	418	6.15	83.5	4.37	39.2	4.51	37.6	15.03
8	THCS LÊ LAI	263	6.54	92.0	4.02	27.8	4.35	34.6	14.90
8	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	269	6.33	91.8	4.29	34.6	4.04	30.9	14.65
8	THCS BÌNH ĐÔNG	308	5.88	82.1	4.28	35.1	4.47	39.9	14.63
8	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	283	6.07	88.0	4.32	38.2	4.23	36.4	14.62
8	THCS KHÁNH BÌNH	118	5.89	89.8	4.53	38.1	4.18	28.0	14.60
8	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	224	6.69	93.3	4.14	32.6	3.63	21.0	14.45
8	THCS BÌNH AN	321	5.93	82.9	4.15	35.5	4.29	35.2	14.36
8	THCS TRẦN DANH NINH	70	6.03	85.7	3.60	15.7	3.14	11.4	12.78
8	THPT năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	10	4.73	70.0	2.80	10.0	2.63	0.0	10.15
QUẬN 8		3238	6.24	88.0	4.37	37.1	4.32	35.8	14.93
9	THCS HOA LƯ	565	6.63	92.9	6.43	76.6	5.70	61.9	18.76
9	THCS TRẦN QUỐC TOẢN	603	6.74	95.9	5.63	62.2	5.39	59.0	17.76
9	THCS TĂNG NHƠN PHÚ B	260	6.30	93.5	5.18	53.1	4.59	41.9	16.07
9	THCS PHƯỚC BÌNH	494	5.90	82.6	5.05	52.4	4.79	50.2	15.73
9	THCS ĐẶNG TẤN TÀI	289	6.10	87.5	4.84	47.8	4.55	40.8	15.49
9	THCS TÂN PHÚ	302	6.00	81.5	4.98	48.3	4.22	34.4	15.20
9	THCS VÀ THPT HOA SEN	7	5.36	71.4	4.39	42.9	3.50	14.3	13.25
9	THCS TRƯỜNG THẠNH	147	5.64	81.0	3.81	28.6	3.60	23.8	13.05
9	THCS LONG TRƯỜNG	151	5.51	70.2	3.78	25.2	3.73	26.5	13.01
9	THCS PHÚ HỮU	63	5.45	76.2	3.58	25.4	3.89	28.6	12.91
9	THCS HUNG BÌNH	246	5.15	61.8	3.72	24.0	3.95	26.0	12.82
9	TH - THCS VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM	45	4.48	46.7	3.74	35.6	4.04	35.6	12.27
9	THCS LONG BÌNH	200	5.57	70.0	3.04	12.5	3.60	24.0	12.20
9	THCS LONG PHƯỚC	100	5.76	84.0	2.95	13.0	3.43	21.0	12.13
QUẬN 9		3472	6.09	84.3	4.94	49.0	4.67	44.0	15.69
10	THCS NGUYỄN VĂN TỔ	171	6.92	99.4	7.62	93.0	7.22	94.7	21.76
10	TH - THCS VÀ THPT VIỆT ÚC	58	5.39	74.1	6.42	82.8	6.25	79.3	18.06
10	THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	171	6.27	90.1	6.19	77.2	5.47	60.2	17.93
10	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	291	6.26	90.0	5.86	68.7	5.36	57.4	17.49
10	THCS TRẦN PHÚ	251	6.28	91.6	5.49	61.8	5.42	58.6	17.20
10	THCS HOÀNG VĂN THỤ	505	5.70	74.9	5.17	53.9	5.09	51.3	15.95
10	THCS LẠC HỒNG	334	5.73	78.1	5.12	53.3	4.99	52.7	15.84
10	TT GDTX QUẬN 10	1	4.75	0.0	3.25	0.0	6.50	100.0	14.50
10	THPT DIÊN HỒNG	119	5.59	79.8	4.13	35.3	4.18	38.7	13.91
10	TH - THCS VÀ THPT VẠN HẠNH	19	5.03	57.9	4.33	36.8	4.45	42.1	13.80
10	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	239	5.49	68.6	4.55	43.9	3.60	28.5	13.65
10	THCS VÀ THPT DUY TÂN	6	4.42	16.7	3.00	16.7	1.75	0.0	9.17
QUẬN 10		2165	5.94	81.7	5.46	60.0	5.15	54.6	16.55
11	THCS CHU VĂN AN	422	5.99	82.9	5.74	65.9	5.58	59.7	17.31
11	THCS VIỆT MỸ	13	5.96	84.6	6.00	76.9	5.06	53.8	17.02
11	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	280	5.98	83.9	5.46	63.6	5.42	58.2	16.86
11	THCS PHÚ THỌ	252	6.14	86.1	5.20	56.3	4.73	42.9	16.07
11	THCS LỮ GIA	333	5.69	73.0	5.37	55.9	4.95	48.9	16.02

11	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	359	5.72	74.7	5.00	49.0	4.71	44.0	15.43
11	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	118	6.18	88.1	4.65	43.2	4.44	40.7	15.27
11	THCS HẬU GIANG	273	5.85	81.7	4.51	40.3	4.32	35.9	14.68
11	THCS LÊ ANH XUÂN	376	5.53	75.8	4.56	44.1	4.44	38.0	14.53
11	TH - THCS VÀ THPT TRƯỜNG VĨNH KÝ	132	4.80	59.8	5.03	53.8	4.41	44.7	14.24
11	THCS NGUYỄN HUỆ	111	5.84	81.1	3.85	21.6	4.52	39.6	14.22
QUẬN 11		2669	5.80	78.9	5.06	52.2	4.84	46.6	15.70
12	THCS NGUYỄN HUỆ	443	6.49	94.1	5.08	53.7	5.24	54.4	16.81
12	THCS TRẦN QUANG KHẢI	510	6.54	95.7	4.73	42.9	5.43	60.2	16.70
12	THCS NGUYỄN AN NINH	613	6.39	91.7	5.06	53.3	5.24	56.0	16.69
12	THCS VÀ THPT HOA LƯ	1	7.00	100.0	5.00	100.0	4.50	0.0	16.50
12	THCS PHAN BỘI CHÂU	628	6.65	96.2	4.79	45.2	4.90	48.6	16.34
12	THCS NGUYỄN HIỀN	581	6.32	91.2	4.97	48.2	5.00	50.6	16.29
12	THCS AN PHÚ ĐÔNG	283	6.75	95.4	4.34	35.3	5.04	48.4	16.13
12	THCS NGUYỄN VĨNH NGHIỆP	298	6.28	94.0	4.59	40.6	4.92	47.3	15.79
12	THCS TRẦN HƯNG ĐẠO	327	6.69	95.1	4.44	36.4	4.61	41.0	15.73
12	THCS NGUYỄN TRUNG TRỰC	459	6.40	92.8	4.25	35.5	4.79	45.8	15.43
12	THCS NGUYỄN ẨM THỦ	297	6.19	90.9	4.46	40.4	4.74	44.4	15.39
12	THCS LƯƠNG THỂ VINH	253	6.41	93.3	3.96	25.7	4.56	40.3	14.92
12	THCS VÀ THPT LẠC HỒNG	2	5.63	50.0	3.75	0.0	5.38	50.0	14.75
12	THCS, THPT BẠCH ĐẰNG	4	4.88	50.0	4.25	25.0	3.31	0.0	12.44
12	TiH-THCS-THPT MỸ VIỆT	9	4.17	55.6	3.19	22.2	3.81	33.3	11.17
12	THCS THPT NAM VIỆT	8	3.78	50.0	2.31	0.0	1.94	12.5	8.03
12	THCS VÀ THPT BẮC SƠN	7	3.04	14.3	2.11	0.0	1.96	14.3	7.11
12	THCS THPT TUỆ ĐỨC	1	0.00	0.0	0.00	0.0	0.00	0.0	0.00
QUẬN 12		4724	6.45	93.3	4.67	43.2	4.98	49.8	16.10
13	THCS LÊ VĂN TÁM	353	6.70	97.5	7.27	89.2	6.95	85.8	20.92
13	THCS ĐỒNG ĐA	434	6.65	96.3	6.48	79.7	6.19	75.3	19.32
13	THCS HÀ HUY TẬP	456	6.48	95.0	6.11	73.7	5.90	71.1	18.48
13	THCS NGUYỄN VĂN BÉ	542	6.49	93.2	6.20	74.4	5.70	67.2	18.39
13	THCS PHÚ MỸ	482	6.10	85.5	5.41	55.6	5.21	54.4	16.71
13	THCS TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	324	6.07	85.2	5.17	52.8	4.90	47.8	16.14
13	THCS THANH ĐA	221	5.64	78.3	4.92	48.0	4.90	48.0	15.45
13	THCS ĐIỆN BIÊN	91	6.15	89.0	4.37	39.6	4.81	49.5	15.34
13	THCS BÌNH LỢI TRUNG	298	5.88	84.2	4.60	43.6	4.76	46.3	15.24
13	THCS YÊN THỂ	93	5.94	89.2	4.64	47.3	4.60	41.9	15.18
13	THCS LAM SƠN	376	5.59	79.0	4.58	41.5	4.63	43.4	14.80
13	THCS CÙ CHÍNH LAN	187	6.04	86.6	4.62	43.3	4.11	29.9	14.76
13	THCS BÌNH QUỐI TÂY	178	6.29	88.8	4.22	34.3	4.13	30.3	14.64
13	THCS CỬU LONG	102	5.66	81.4	4.93	48.0	3.65	26.5	14.24
13	TiH,THCS VÀ THPT MÙA XUÂN	12	3.92	41.7	5.23	66.7	4.52	58.3	13.67
13	THCS RẠNG ĐÔNG	125	5.33	68.8	4.08	28.0	4.04	32.0	13.46
QUẬN BÌNH THẠNH		4274	6.17	88.1	5.50	59.5	5.28	56.4	16.95
14	THCS NGUYỄN DU	557	6.99	98.2	7.02	86.0	6.14	74.9	20.15
14	THCS NGUYỄN TRÃI	640	7.22	99.1	5.65	64.1	6.08	71.7	18.96
14	THCS PHẠM VĂN CHIÊU	511	7.27	98.2	5.49	60.5	5.59	61.3	18.35

14	THCS QUANG TRUNG	459	6.72	96.1	5.89	68.4	5.51	61.7	18.12
14	THCS TÂN SƠN	467	7.09	96.6	5.40	59.3	5.56	63.2	18.05
14	THCS NGUYỄN VĂN TRỖI	463	6.53	95.0	5.92	68.5	5.54	62.0	18.00
14	THCS GÒ VẤP	294	6.55	96.6	6.00	67.7	5.36	57.5	17.91
14	THCS PHAN TÂY HỒ	706	6.63	94.5	5.77	66.0	5.49	60.8	17.90
14	THCS THÔNG TÂY HỘI	388	6.82	96.9	5.52	63.4	5.35	58.2	17.69
14	THCS HUỖNH VĂN NGHỆ	553	7.08	96.4	5.17	55.5	5.30	56.6	17.55
14	PTDL HERMANN GMEINER	61	7.32	100.0	5.14	54.1	5.07	47.5	17.52
14	THCS AN NHƠN	379	6.76	96.8	5.32	61.2	5.44	60.9	17.51
14	THCS TRƯỜNG SƠN	222	6.35	91.9	5.03	52.3	5.08	51.8	16.46
14	THCS NGUYỄN VĂN NGHI	305	6.37	92.5	5.10	55.1	4.92	49.5	16.39
14	THCS LÝ TỰ TRỌNG	435	6.18	87.4	4.41	38.9	4.89	48.7	15.48
14	THCS VÀ THPT NGUYỄN TRI PHƯƠNG	2	4.75	50.0	3.13	0.0	2.88	50.0	10.75
QUẬN GÒ VẤP		6442	6.81	95.8	5.60	62.7	5.50	61.0	17.91
15	THCS TRẦN HUY LIỆU	87	6.05	88.5	6.41	80.5	5.53	60.9	17.99
15	THCS NGÔ TẤT TỐ	560	6.23	87.9	6.06	70.0	5.46	59.1	17.75
15	THCS CẦU KIỂU	316	6.14	85.1	6.00	67.1	5.39	56.3	17.53
15	THCS ĐÀO DUY ANH	198	5.97	76.8	6.00	68.7	5.29	55.1	17.27
15	TH - THCS VÀ THPT QUỐC TẾ	1	7.00	100.0	5.25	100.0	4.25	0.0	16.50
15	THCS ĐỘC LẬP	368	5.74	78.8	5.62	64.9	4.88	47.8	16.24
15	THCS CHÂU VĂN LIÊM	148	6.11	87.8	4.95	54.1	4.74	46.6	15.80
15	THCS VÀ THPT VIỆT ANH	15	5.27	73.3	4.82	53.3	4.78	60.0	14.87
15	THCS VÀ THPT HỒNG HÀ	26	5.16	53.8	4.23	38.5	4.40	46.2	13.80
15	THCS VÀ THPT QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ	15	4.63	53.3	4.28	33.3	3.70	13.3	12.62
QUẬN PHÚ NHUẬN		1734	6.02	83.3	5.82	66.5	5.21	54.2	17.05
16	THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN	253	6.16	91.3	7.26	93.3	7.28	90.9	20.71
16	THCS NGUYỄN GIA THIỀU	660	6.87	96.4	6.82	82.1	6.50	79.5	20.20
16	THCS TRƯỜNG CHINH	584	6.76	94.9	6.65	81.3	6.50	77.4	19.91
16	TH - THCS VÀ THPT THÁI BÌNH DƯƠNG	7	6.50	100.0	6.00	85.7	6.93	100.0	19.43
16	THCS HOÀNG HOA THÁM	840	6.52	94.3	5.69	64.5	5.90	67.9	18.12
16	THCS NGÔ QUYỀN	637	6.41	91.1	5.85	69.9	5.57	60.4	17.82
16	THCS QUANG TRUNG	300	6.43	91.3	5.48	63.0	5.83	68.0	17.74
16	THCS NGÔ SĨ LIÊN	657	6.13	86.1	5.95	69.4	5.64	64.1	17.72
16	THCS TÂN BÌNH	522	6.59	95.0	5.70	63.4	5.29	55.9	17.58
16	THCS ÂU LẠC	318	5.84	81.4	4.88	50.3	4.45	40.6	15.17
16	THPT VIỆT THANH	2	6.13	100.0	5.25	50.0	3.75	0.0	15.13
16	THCS LÝ THƯỜNG KIỆT	313	5.96	85.3	4.69	44.7	4.32	39.0	14.98
16	THCS VÕ VĂN TÀN	318	5.84	84.9	4.43	41.2	4.44	44.0	14.71
16	THCS PHẠM NGỌC THẠCH	179	5.88	79.3	3.95	27.9	4.04	30.2	13.87
16	THCS VÀ THPT VIỆT MỸ	10	4.50	40.0	5.20	60.0	3.45	30.0	13.15
16	THCS TRẦN VĂN ĐANG	120	5.08	69.2	4.05	35.8	4.00	40.0	13.13
16	THCS VÀ THPT THÁI BÌNH	13	4.60	46.2	3.87	38.5	3.40	30.8	11.87
16	TH, THCS VÀ THPT THANH BÌNH	31	4.58	61.3	3.69	25.8	3.16	25.8	11.44
16	THCS VÀ THPT BẮC ÁI	1	6.50	100.0	2.75	0.0	2.00	0.0	11.25

16	TT GDTX QUẬN TÂN BÌNH	3	3.50	33.3	2.00	0.0	2.42	0.0	7.92
QUẬN TÂN BÌNH		5768	6.34	90.0	5.75	65.3	5.60	62.3	17.68
17	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	562	6.40	89.7	5.88	67.1	4.91	49.6	17.20
17	THCS BÌNH THỌ	245	6.42	86.5	5.44	58.4	4.99	52.2	16.85
17	THCS LÊ VĂN VIỆT	153	6.33	88.2	5.09	52.3	4.73	44.4	16.15
17	THCS TRƯƠNG VĂN NGỰ	226	6.60	88.9	5.10	51.3	4.30	35.4	16.00
17	THCS TAM BÌNH	344	6.13	87.5	5.27	58.7	4.38	37.2	15.78
17	THCS NGÔ CHÍ QUỐC	496	6.34	86.5	4.58	41.1	4.39	39.3	15.31
17	THCS LINH TRUNG	339	6.13	84.7	4.67	44.5	4.32	36.9	15.12
17	THCS BÌNH CHIỂU	475	6.13	86.7	4.77	46.7	4.07	30.9	14.98
17	THCS TRƯỜNG THỌ	370	5.74	73.0	4.49	38.4	4.53	41.4	14.75
17	THCS XUÂN TRƯỜNG	210	6.36	91.4	4.03	29.5	4.16	31.0	14.54
17	THCS LINH ĐÔNG	294	6.18	88.4	4.49	39.8	3.76	26.9	14.43
17	THCS NGUYỄN VĂN BÁ	369	6.17	88.1	4.32	40.4	3.93	29.3	14.42
17	THCS HIỆP BÌNH	443	5.90	81.5	4.30	35.2	4.10	33.2	14.30
17	THCS THÁI VĂN LUNG	437	5.56	70.9	4.19	35.5	4.05	32.3	13.80
17	TT GDTX Quận THỦ ĐỨC	1	3.50	0.0	2.25	0.0	3.50	0.0	9.25
17	THPT NĂNG KHIẾU THỂ THAO OLYMPIC	11	2.66	18.2	1.52	0.0	0.93	0.0	5.11
QUẬN THỦ ĐỨC		4975	6.13	84.4	4.76	45.7	4.31	37.0	15.21
18	TH THCS VÀ THPT ALBERT EINSTEIN	6	4.63	50.0	4.75	33.3	6.17	66.7	15.54
18	THCS PHẠM VĂN HAI	261	6.16	90.8	4.45	36.0	4.66	42.9	15.27
18	THCS ĐÔNG ĐEN	330	5.96	87.9	4.07	29.4	4.78	47.0	14.81
18	THCS VĨNH LỘC A	372	6.34	94.1	3.78	24.5	4.68	43.0	14.81
18	THCS TÂN TÚC	396	5.98	85.9	4.38	38.6	4.02	27.5	14.39
18	THCS VÕ VĂN VÂN	223	5.81	86.1	3.79	26.5	4.72	47.1	14.32
18	THCS NGUYỄN VĂN LINH	237	6.17	89.0	4.23	33.8	3.84	27.4	14.24
18	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	245	6.15	90.6	3.95	22.9	4.08	26.1	14.18
18	THCS PHONG PHÚ	222	5.92	86.9	4.04	27.9	4.05	30.6	14.01
18	THCS VĨNH LỘC B	266	5.83	83.8	3.93	29.7	4.16	36.1	13.91
18	THCS QUI ĐỨC	139	6.08	90.6	4.01	27.3	3.79	25.9	13.88
18	THCS BÌNH CHÁNH	332	5.67	77.4	4.09	29.2	3.87	27.7	13.63
18	THCS TÂN QUÝ TÂY	239	5.98	86.2	3.58	18.8	4.06	28.5	13.62
18	THCS TÂN KIÊN	176	5.79	81.8	3.72	21.6	3.94	29.5	13.45
18	THCS GÒ XOÀI	65	5.86	81.5	3.55	24.6	4.02	29.2	13.43
18	THCS HƯNG LONG	251	5.82	79.3	3.75	22.7	3.79	22.7	13.36
18	THCS LÊ MINH XUÂN	261	5.74	80.1	3.46	15.7	3.96	30.3	13.16
18	THCS ĐA PHƯỚC	217	5.46	74.2	3.82	25.8	3.84	25.8	13.11
18	THCS TÂN NHỰT	211	5.92	86.3	3.51	17.5	3.61	19.9	13.03
HUYỆN BÌNH CHÁNH		4449	5.94	85.4	3.93	26.9	4.15	32.3	14.02
19	THCS LÝ NHƠN	83	5.94	86.7	2.93	9.6	3.64	27.7	12.51
19	THCS CẦN THẠNH	189	5.60	77.2	3.16	13.8	3.50	21.7	12.26
19	THCS TAM THÔN HIỆP	92	5.47	71.7	3.51	12.0	3.26	20.7	12.24
19	THCS BÌNH KHÁNH	352	5.37	69.9	3.25	16.2	3.51	18.5	12.14
19	THCS AN THỚI ĐÔNG	209	5.21	67.0	2.79	4.8	3.11	12.9	11.11
19	THCS LONG HOÀ	167	5.14	62.9	2.78	5.4	3.17	16.8	11.09

19	THCS ĐOI LẦU	70	5.66	82.9	2.28	0.0	2.56	5.7	10.51
19	THCS THẠNH AN	50	4.59	52.0	2.17	0.0	2.21	0.0	8.96
HUYỆN CÀN GIỜ		1212	5.38	70.9	2.99	10.0	3.28	17.1	11.64
20	THCS THỊ TRẦN 2	367	5.70	76.0	5.02	52.3	4.66	44.4	15.38
20	THCS TÂN AN HỘI	88	5.29	64.8	4.23	42.0	4.50	37.5	14.01
20	THCS TÂN TIẾN	160	5.47	76.3	3.85	24.4	4.18	35.6	13.50
20	THCS PHƯỚC VĨNH AN	173	5.65	75.1	3.49	22.0	4.12	28.3	13.26
20	THCS TÂN THÔNG HỘI	258	5.01	58.1	3.93	27.9	4.24	34.1	13.18
20	THCS TRUNG LẬP HẠ	86	5.77	81.4	3.45	19.8	3.80	27.9	13.02
20	THCS PHÚ HÒA ĐÔNG	269	5.63	73.6	3.56	21.6	3.51	24.5	12.70
20	THCS HÒA PHÚ	170	5.64	80.6	3.13	10.6	3.93	28.8	12.70
20	THCS AN NHƠN TÂY	249	4.90	51.0	3.80	21.3	3.97	28.1	12.68
20	THCS TRUNG AN	195	5.39	65.1	3.42	17.9	3.87	26.2	12.67
20	THCS PHÚ MỸ HUNG	92	5.61	79.3	3.31	16.3	3.74	23.9	12.67
20	THCS TÂN THẠNH TÂY	194	5.46	68.6	3.80	24.7	3.37	23.7	12.64
20	THCS TRUNG LẬP	201	5.83	79.6	3.12	11.9	3.59	22.9	12.54
20	THCS PHƯỚC THẠNH	205	5.24	65.9	3.19	16.6	4.09	36.6	12.51
20	THCS PHƯỚC HIỆP	114	5.56	72.8	3.04	11.4	3.86	27.2	12.46
20	THCS TÂN THẠNH ĐÔNG	510	5.28	66.3	3.47	22.9	3.67	20.8	12.42
20	THCS THỊ TRẦN	233	5.27	68.7	3.12	15.5	3.97	30.9	12.36
20	THCS AN PHÚ	96	5.63	78.1	3.20	10.4	3.45	22.9	12.28
20	THCS TÂN PHÚ TRUNG	530	4.92	54.3	3.68	22.3	3.51	24.7	12.11
20	THCS NHUẬN ĐỨC	79	4.96	58.2	3.08	8.9	3.91	21.5	11.95
20	THCS BÌNH HÒA	200	5.43	71.0	3.03	13.0	3.24	22.5	11.70
20	THCS PHẠM VĂN CỘI	154	5.19	64.3	2.97	9.7	3.53	23.4	11.68
20	THCS NGUYỄN VĂN XỐ	158	4.66	49.4	3.22	12.7	3.27	15.2	11.15
HUYỆN CỬ CHI		4781	5.33	67.1	3.57	21.8	3.82	27.7	12.72
21	THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG	396	6.61	96.5	6.68	82.6	6.50	79.0	19.79
21	THCS TRUNG MỸ TÂY 1	317	5.67	76.7	4.70	45.4	4.83	49.5	15.21
21	THCS TÂN XUÂN	401	5.90	87.5	4.60	43.6	4.69	46.4	15.19
21	THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO	470	5.73	82.1	4.82	46.4	4.37	37.2	14.92
21	THCS LÝ CHINH THẮNG 1	433	5.82	81.5	4.47	40.2	4.29	37.0	14.58
21	THCS TÔ KÝ	547	5.70	81.9	4.16	33.1	4.67	44.1	14.53
21	THCS PHAN CÔNG HÓN	514	5.80	80.9	4.20	33.7	4.41	37.0	14.40
21	THCS TAM ĐÔNG 1	351	5.95	84.0	4.28	37.6	4.15	31.1	14.38
21	THCS ĐÔNG THẠNH	593	5.84	83.3	4.08	31.4	4.05	30.2	13.98
21	THCS ĐỖ VĂN DẬY	251	5.85	85.7	3.90	29.1	4.12	31.5	13.88
21	THCS XUÂN THỚI THƯỢNG	541	5.77	81.5	3.67	21.3	4.08	31.1	13.52
21	THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH	167	5.43	73.1	4.03	28.7	4.04	31.7	13.50
21	THCS THỊ TRẦN	104	5.15	67.3	3.80	27.9	3.83	28.8	12.79
HUYỆN HÓC MÔN		5085	5.84	82.9	4.44	38.8	4.50	40.1	14.78
22	THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM	342	6.21	88.6	5.14	53.8	4.84	43.6	16.19
22	THCS LÊ VĂN HỮU	298	6.46	95.0	4.73	42.6	4.31	34.6	15.50
22	THCS NGUYỄN VĂN QUỲ	129	6.36	96.1	4.64	42.6	4.50	38.8	15.50
22	THCS HAI BÀ TRUNG	291	6.51	95.5	4.48	36.4	3.97	27.8	14.96
22	THCS LÊ THÀNH CÔNG	100	6.03	91.0	3.83	28.0	4.09	33.0	13.94
22	THCS PHƯỚC LỘC	98	5.61	72.4	3.61	22.4	4.62	40.8	13.84

22	THCS HIỆP PHƯỚC	214	6.14	84.6	3.43	17.8	4.06	29.9	13.62
HUYỆN NHÀ BÈ		1472	6.27	90.4	4.44	38.0	4.35	35.3	15.06
23	THCS LÊ ANH XUÂN	822	6.69	94.6	6.23	74.8	6.51	78.2	19.43
23	THCS ĐỒNG KHỞI	551	6.84	96.6	5.82	68.4	6.09	72.1	18.75
23	THCS TRẦN QUANG KHẢI	300	6.55	94.0	6.18	72.0	5.97	67.3	18.70
23	THCS THOẠI NGỌC HẦU	286	6.64	96.9	5.36	55.9	5.19	53.5	17.19
23	THCS LÊ LỢI	545	6.18	90.1	5.30	56.9	5.45	60.0	16.93
23	THCS ĐẶNG TRẦN CÔN	489	6.44	92.6	5.07	51.3	5.38	58.7	16.89
23	THCS TÂN THỚI HÒA	454	6.79	98.5	4.92	50.4	5.19	53.7	16.89
23	THCS HÙNG VƯƠNG	270	6.45	96.3	5.40	57.8	4.76	44.1	16.61
23	THCS PHAN BỘI CHÂU	634	6.27	91.2	5.04	49.8	5.15	53.6	16.45
23	THCS VÕ THÀNH TRANG	720	6.50	94.6	4.98	50.7	4.97	48.6	16.45
23	TIH THCS HỒNG NGỌC	8	5.78	75.0	4.91	50.0	4.63	50.0	15.31
23	THCS NGUYỄN HUỆ	292	5.93	86.0	4.41	40.1	4.76	45.2	15.11
23	TH, THCS VÀ THPT HÒA BÌNH	9	5.06	55.6	4.39	44.4	3.89	44.4	13.33
23	THCS VÀ THPT TRÍ ĐỨC	35	5.16	60.0	3.71	25.7	4.16	25.7	13.04
23	THCS VÀ THPT ĐÌNH TIÊN HOÀNG	5	5.30	80.0	3.30	20.0	3.50	20.0	12.10
23	THCS VÀ THPT TÂN PHÚ	9	4.56	55.6	3.56	22.2	3.06	22.2	11.17
23	THCS VÀ THPT HỒNG ĐỨC	9	3.97	44.4	3.22	33.3	3.31	22.2	10.50
23	TH, THCS VÀ THPT QUỐC VĂN SÀI GÒN	1	4.00	0.0	2.75	0.0	2.50	0.0	9.25
23	THCS,THPT NAM VIỆT	8	4.34	62.5	2.63	12.5	2.25	12.5	9.22
23	THCS VÀ THPT NHÂN VĂN	21	3.27	42.9	2.51	19.0	2.50	23.8	8.29
QUẬN TÂN PHÚ		5468	6.46	93.1	5.34	57.4	5.45	58.9	17.26
24	THCS, THPT NGÔI SAO	41	5.93	87.8	6.42	85.4	6.17	75.6	18.52
24	THCS TÂN TẠO	206	6.39	92.7	5.08	51.5	5.35	59.2	16.83
24	THCS LÊ TẤN BÊ	169	5.96	88.2	4.93	48.5	4.74	45.0	15.63
24	THCS HỒ VĂN LONG	265	6.43	95.1	4.53	36.2	4.60	39.2	15.56
24	THCS AN LẠC	289	6.18	91.7	4.62	41.9	4.62	38.8	15.43
24	THCS LÝ THƯỜNG KIỆT	417	6.09	88.2	4.59	43.2	4.65	44.4	15.33
24	THCS BÌNH TÂN	365	6.21	90.1	4.49	40.5	4.59	43.6	15.30
24	THCS HUỖNH VĂN NGHỆ	406	6.09	90.4	3.94	28.8	4.99	51.0	15.03
24	THCS NGUYỄN TRÃI	485	5.98	87.8	4.25	37.5	4.65	45.6	14.88
24	THCS TRẦN QUỐC TOẢN	444	5.84	82.7	4.03	32.0	4.57	43.5	14.44
24	THCS BÌNH TRỊ ĐÔNG	497	6.00	86.9	3.97	28.0	4.14	31.0	14.12
24	THCS BÌNH TRỊ ĐÔNG A	613	5.85	82.2	3.63	22.8	4.42	37.7	13.90
24	THCS BÌNH HƯNG HÒA	185	5.66	77.3	3.63	18.9	4.33	36.2	13.62
24	THCS TÂN TẠO A	438	5.82	82.2	3.71	21.7	4.04	30.8	13.56
24	THCS VÀ THPT PHAN CHÂU TRINH	10	4.98	50.0	3.43	50.0	2.75	10.0	11.15
QUẬN BÌNH TÂN		4830	6.01	86.8	4.19	33.6	4.56	41.4	14.75
THÀNH PHỐ		87346	6.17	86.9	5.03	50.5	4.92	48.4	16.12